

Bản án số: 50/2025/LĐ-ST
Ngày: 31 – 3 – 2025
V/v “Vô hiệu hợp đồng lao động
và điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Thức

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Chí Lin;
- Bà Nguyễn Thị Rạt.

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Như Ý – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Võ Đông Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 239/2024/TLST – LĐ ngày 06 tháng 12 năm 2024 về việc “*Tranh chấp yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động và điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2025/QĐXXST-LĐ ngày 21 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2025/QĐ-HPT ngày 13/3/2025, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Kim T, sinh năm 1985; Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An (xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Công ty TNHH S2;

Địa chỉ trụ sở: Ấp Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lee Hwan S – Tổng Giám đốc (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bảo hiểm xã hội tỉnh L; Địa chỉ trụ sở: Số H, T, phường D, thành phố T, tỉnh Long An. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần S1 – Giám đốc (xin vắng mặt).

3.2. Bà Nguyễn Thái T1, sinh năm 1993; địa chỉ: Ô, khu B, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 11 năm 2024 và quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Kim T trình bày:

Do không am hiểu quy định pháp luật nên vào năm 2007 bà có cho bà Nguyễn Thái T1 mượn giấy chứng minh nhân dân do bà T đứng tên để xin việc làm tại Công ty TNHH S2; địa chỉ trụ sở: Ấp Đ, xã Đ, huyện Đ, Long An. Bà T1 có tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc theo Sổ bảo hiểm xã hội mã số 4807013083 trong khoảng thời gian từ tháng 7 năm 2007 đến hết tháng 01 năm 2012, thì bà T1 nghỉ việc.

Trong khi đó, từ tháng 6 năm 2004 đến tháng 10 năm 2023, bà T vào làm việc tại Công ty TNHH P. Bà V có tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc và được cấp Sổ bảo hiểm xã hội với mã số 0204187132.

Do vậy, hiện nay tồn tại 02 sổ bảo hiểm xã hội số 4807013083 và số 0204187132 cùng mang tên Nguyễn Kim T nên bà T không thể thực hiện việc chốt sổ và lãnh bảo hiểm một lần được. Do đó bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1/ Tuyên vô hiệu hợp đồng lao động lập giữa bà Nguyễn Kim T (người thực hiện lao động là Nguyễn Thái T1) với Công ty TNHH S2 từ tháng 4/2007 đến tháng 01/2012.

2/ Điều chỉnh thông tin cá nhân ghi trên sổ bảo hiểm xã hội mã số 4807013083 từ tên Nguyễn Kim T sang tên bà Nguyễn Thái T1 tham gia lao động và tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 4/2007 đến hết tháng 01/2012 tại Công ty TNHH S2.

Đối với bị đơn Công ty TNHH S2, từ khi Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa lý vụ án cho đến nay, người đại diện theo pháp luật của bị đơn không đến tòa theo giấy triệu tập, không có ý kiến gì phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thái Thanh vắng M nhưng tại bản tự khai, bà T1 trình bày: xác nhận có mượn giấy chứng minh nhân dân của bà Nguyễn Kim T để xin vào làm việc tại Công ty TNHH S2 từ tháng 4 năm 2011 đến hết tháng 01 năm 2012 và có tham gia bảo hiểm xã hội mã số 4807013083 nhưng thông tin ghi trên hợp đồng lao động là tên Nguyễn Kim T. Bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim T, không có tranh chấp hay yêu cầu gì trong vụ án này và đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo qui định pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của Bảo hiểm xã hội tỉnh L trình bày: Căn cứ vào hồ sơ, dữ liệu quản lý thu, sổ, thẻ và chính sách BHXH, bảo hiểm y tế, BHTN, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, Bảo hiểm xã hội tỉnh L thông tin: bà Nguyễn Kim T có thời gian tham gia đóng BHXH, BHTN từ tháng 4/2007 đến

tháng 01/2012 trên sổ số 4807013083 tại Công ty TNHH S2, địa chỉ trụ sở: xã Đ, Đ, Long An. Qua tra cứu dữ liệu chi trả chính sách BHXH, BHTN tại BHXH tỉnh L đến ngày 13/01/2025, bà Nguyễn Kim T đã hưởng chế độ BHXH một lần với số tiền hưởng 14.833.672 đồng và hưởng BHTN với thời gian BHTN với thời gian từ tháng 01/2009 đến tháng 01/2012.

BHXH tỉnh L không cung cấp được hợp đồng lao động theo đề nghị của Tòa án và đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Quan điểm Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Về trình tự thủ tục đảm bảo theo quy định của tố tụng trong việc thu thập chứng cứ, xác minh. Toà án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ và quyền hạn. Các bên đương sự thực hiện đúng tố tụng về quyền và nghĩa vụ.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Kim T2 với Công ty TNHH S3 (người tham gia lao động thực tế là bà Nguyễn Thái T1) vào tháng 4 năm 2007 đến tháng 01/2012 là vô hiệu. Tại thời điểm bà Thái T1 lao động tại Công ty TNHH S2 chưa đủ 15 tuổi nên bà Thái T1 được quyền liên hệ Cơ quan Bảo hiểm xã hội để được hoàn trả các chế độ theo quy định đối với khoảng thời gian này. Từ các căn cứ và phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật cần giải quyết: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim T như trên, Hội đồng xét xử thấy quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án là: “*Tranh chấp yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động và Điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội*” vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 32 Bộ luật Tố tụng dân sự. Công ty TNHH S2 có trụ sở tại ấp Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về tư cách tố tụng, thời hiệu và phạm vi giải quyết.

Bà Nguyễn Kim T là người khởi kiện được xác định là nguyên đơn, Công ty TNHH S2 là người bị kiện được xác định là bị đơn. Bà Nguyễn Thái T1 và Bảo hiểm xã hội tỉnh L được xác định là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Thời hiệu khởi kiện: Bà Nguyễn Kim T khởi kiện Công ty TNHH S2 vì cho rằng quyền lợi bị xâm phạm do hợp đồng lao động giả tạo nên bà Nguyễn Kim T có quyền khởi kiện theo quy định tại Điều 190 Bộ Luật lao động năm 2019, Điều 184 và Điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3]. Chứng cứ, nghĩa vụ chứng minh và luật áp dụng.

Quá trình tố tụng: Bà Nguyễn Kim T có nộp chứng cứ là: sổ BHXH mã số 0204187132 và quá trình tham gia bảo hiểm xã hội. BHXH tỉnh L cung cấp thông tin thời gian đóng BHXH của bà Nguyễn Kim T từ tháng 4/2007 đến tháng 01/2012 trên sổ BHXH mã số 4807013083.

Tòa án xét xử trên cơ sở chứng cứ do người khởi kiện cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập khi thấy cần theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về chứng cứ chứng minh cho lời trình bày các đương sự Tòa án đã thu thập đầy đủ.

Bộ luật Lao động đề áp dụng giải quyết tranh chấp: Các bên tranh chấp hợp đồng lao động trong thời gian năm 2007 nên Bộ luật Lao động được áp dụng để giải quyết tranh chấp là Bộ luật Lao động năm 1994 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006, 2007). Thời điểm giải quyết tranh chấp thì Thời điểm giải quyết tranh chấp thì Bộ luật Lao động năm 2019, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đang có hiệu lực pháp luật nên được áp dụng.

Tòa án lập biên bản về kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và xét xử vụ án trong phạm vi đương sự yêu cầu.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về hợp đồng lao động: Bà Nguyễn Kim T khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được giao kết giữa bà Nguyễn Kim T (nhưng do bà Nguyễn Thái T1 là người trực tiếp lao động) với Công ty TNHH S2 là vô hiệu. Tuy nhiên, bà Nguyễn Kim T, bà Nguyễn Thái T1 không cung cấp được hợp đồng lao động do bị thất lạc. Căn cứ vào văn bản trình bày ý kiến của Bảo hiểm xã hội tỉnh L, xác định: Công ty TNHH S4 có tham gia đóng bảo hiểm cho bà Nguyễn Kim T từ tháng 4 năm 2007 đến tháng 01 năm 2012 theo sổ bảo hiểm số 4807013083 nên có căn cứ xác định giữa bà Nguyễn Kim T với Công ty TNHH S2 có giao kết hợp đồng lao động, thời hạn hợp đồng từ tháng 04 năm 2007 đến tháng 01 năm 2012 nhưng người trực tiếp tham gia lao động là bà Nguyễn Thái T1.

[2.2]. Xét thấy, bà Nguyễn Kim T có cho bà Nguyễn Thái T1 mượn chứng minh nhân dân để giao kết hợp đồng lao động và trực tiếp tham gia lao động, đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 4 năm 2007 đến tháng 01 năm 2012 tại Công ty TNHH S2 theo sổ BHXH số 4807013083. Tuy nhiên, thời điểm bà Thái T1 làm việc trực tiếp tại Công ty TNHH S2 là chưa đủ 15 tuổi. Trong khi đó bà Nguyễn Kim T cũng trực tiếp tham gia lao động tại Công ty TNHH P1 và tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc với mã số 0204187132 từ tháng 4 năm 2004 đến tháng 10 năm 2023.

Như vậy có căn cứ xác định trong khoảng thời gian từ tháng 4 năm 2007 đến tháng 01 năm 2012 thì người mang tên Nguyễn Kim T cùng lúc tham gia bảo hiểm

xã hội tại Công ty TNHH S2 và Công ty TNHH P2 với 02 mã số BHXH khác nhau.

Việc bà Nguyễn Thái T1 tham gia trực tiếp lao động với Công ty TNHH S2 từ tháng 4/2007 đến tháng 01/2012 nhưng hợp đồng lao động ghi tên Nguyễn Kim T là vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 30 Bộ luật Lao động năm 1994 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006, 2007), vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ Luật Lao động, vi phạm các hành vi bị cấm như gian lận, giả mạo hồ sơ trong việc thực hiện BHXH, BHTN theo quy định tại khoản 4 Điều 17 của Luật BHXH số 58/2014/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2014 nên có cơ sở xác định hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Kim T với Công ty TNHH S2 giai đoạn từ tháng 4/2007 đến tháng 01/2012 là không có hiệu lực.

Từ các nhận định nêu trên, xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim T là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.2]. Về hậu quả của hợp đồng lao động bị vô hiệu: Do hợp đồng lao động bị vô hiệu và tại thời điểm bà Thái T1 làm việc trực tiếp tại công ty TNHH S2 là chưa đủ 15 tuổi nên bà Thái T1 được quyền liên hệ với cơ quan BHXH để được hoàn trả các chế độ theo quy định đối với khoảng thời gian này trên Sổ bảo hiểm xã hội số 4807013083.

[3]. Bà Nguyễn Thái T1, Công ty TNHH S2 không có tranh chấp gì trong vụ án nên không đề cập xem xét.

[4]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5]. Về án phí: Ghi nhận ý kiến của bà Nguyễn Kim T: tự nguyện chịu án phí lao động sơ thẩm đồng sung ngân sách nhà nước.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, Điều 32, Điều 35, Điều 39, Điều 68, Điều 184, Điều 186, Điều 91, Điều 93, Điều 97, Điều 147, Điều 195, Điều 196, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1, khoản 4, Điều 30 Bộ luật Lao động năm 1994 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006, 2007);

Căn cứ Điều 13, khoản 1 Điều 15; Điều 18, Điều 21, Điều 49, Điều 50, Điều 51 và Điều 190 Bộ Luật Lao động năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim T về việc: “*Tranh chấp yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động và điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội*” với Công ty TNHH S2.

1.1. Vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Kim T (do bà Nguyễn Thái T1 là người trực tiếp lao động) với Công ty TNHH S2 từ tháng 4 năm 2007 đến tháng 01 năm 2012.

1.2. Bà Nguyễn Thái T1 được quyền liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội để được hoàn trả các chế độ theo quy định với khoảng thời gian mà bà T1 chưa đủ 15 tuổi.

2. Về án phí lao động sơ thẩm: Bà Nguyễn Kim T tự nguyện chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí lao động sơ thẩm sung vào ngân sách nhà nước, nhưng được chuyển từ tiền tạm ứng án phí mà bà Nguyễn Kim T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 6874 ngày 27/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, sang án phí để thi hành.

3. Án xử sơ thẩm, tuyên án công khai, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật tố tụng.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Văn Công Thức